



TỈNH ỦY AN GIANG

*

Số 37-CTr/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

thực hiện Kết luận số 75-KL/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, Chương trình hành động số 31-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về “Bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới”

Thực hiện Kết luận số 75-KL/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV (gọi tắt là Kết luận số 75-KL/TW), Chương trình hành động số 31-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về “Bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới” (gọi tắt là Chương trình hành động số 31-CTr/TW), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I- TÌNH HÌNH

Sau gần 13 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường tỉnh An Giang đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu có nâng lên. Các mục tiêu, nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường từng bước được lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển bền vững. Năng lực dự báo, cảnh báo, phòng ngừa và ứng phó thiên tai có chuyển biến; công tác phòng, chống hạn hán, ngập lụt, sạt lở, triều cường, xâm nhập mặn được chủ động triển khai. Hệ thống thủy lợi, đê biển, cống kiểm soát mặn được quan tâm đầu tư; cơ bản hoàn thành tuyến đê biển dài 140 km, góp phần bảo vệ sản xuất, ổn định đời sống Nhân dân. Các mô hình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu, tiết kiệm nước, giảm phát thải khí nhà kính bước đầu phát huy hiệu quả; công tác bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học được chú trọng.

Công tác quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản từng bước đi vào nền nếp, theo hướng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững. Việc điều tra, đánh giá tài nguyên, xây dựng cơ sở dữ liệu, công khai quy hoạch và kiểm tra, xử lý vi

phạm được tăng cường. Công tác thẩm định, cấp phép môi trường ngày càng chặt chẽ; bước đầu kiểm soát cơ bản các nguồn thải lớn. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 92%, chất thải rắn y tế đạt trên 95%. Các mô hình bảo vệ môi trường, phân loại, xử lý rác thải tại nguồn được triển khai, góp phần cải thiện môi trường sống và phát huy sự tham gia của cộng đồng.

Tuy nhiên, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp thực hiện nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường có lúc, có nơi chưa sâu sát, thiếu chặt chẽ; một số địa phương còn lúng túng trong xử lý các vấn đề phát sinh. Việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu gắn với chuyển đổi số còn chậm; điều tra cơ bản về tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước chưa kịp thời, ảnh hưởng đến chất lượng dự báo và hiệu quả quản lý, nhất là đối với tài nguyên, môi trường biển, đảo. Tình trạng lấn chiếm, sử dụng đất sai mục đích, khai thác khoáng sản trái phép, vi phạm quy định về bảo vệ môi trường, khiếu kiện và tranh chấp đất đai vẫn còn xảy ra. Ô nhiễm môi trường cục bộ chưa được khắc phục triệt để; hạ tầng, công nghệ thu gom, xử lý chất thải còn bất cập, nhất là ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

II- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kết luận số 75-KL/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới và Chương trình hành động số 31-CTr/TW, 28/7/2026 của Bộ Chính trị; tạo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong toàn Đảng bộ tỉnh.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân về vị trí, vai trò của công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong thực hiện các mục tiêu phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; tập trung giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc, nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện Chương trình hành động phải bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của các cấp ủy đảng; sự quản lý, điều hành quyết liệt của chính quyền các cấp; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Các nhiệm vụ, giải pháp phải bám sát mục tiêu, quan điểm, định hướng của Kết luận số 75-KL/TW và Chương trình hành động số 31-CTr/TW; đồng thời phù hợp với điều kiện thực tiễn, đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh. Nghiêm túc quán triệt sâu sắc phương châm: Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu phải được xác định là một trong những động lực phát triển mới, gắn với nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất, sức cạnh tranh của nền kinh tế, chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Đầu tư cho bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu là đầu tư cho phát triển bền vững, cần được ưu tiên bảo đảm nguồn lực tương xứng, đáp ứng yêu cầu đề ra, phù hợp với tốc độ tăng trưởng và quy mô của nền kinh tế.

- Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; xác định rõ nội dung công việc, sản phẩm đầu ra, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai.

3. Chỉ tiêu chủ yếu

(Đính kèm Phụ lục chỉ tiêu và phân công đơn vị chủ trì).

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của hệ thống chính trị, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và Nhân dân

Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Đảng; các cấp ủy, tổ chức đảng, các cấp chính quyền quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về vai trò quan trọng của bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Triển khai, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, bảo đảm sự tham gia rộng rãi, thực chất, có trách nhiệm của cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Phát huy vai trò của cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cơ quan báo chí, truyền thông và Nhân dân trong tham gia xây dựng, phản biện, góp ý hoàn thiện chủ trương, chính sách và giám sát việc thi hành pháp luật.

Triển khai thực chất, hiệu quả các phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, lan tỏa thực hành lối sống xanh, tiêu dùng xanh, bền vững trong cộng đồng; phát hiện, khuyến khích, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả.

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn xã hội về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đưa nội dung bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, phân loại chất thải, giảm rác thải nhựa, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai vào hoạt động giáo

dục phù hợp từng cấp học; phát triển mô hình trường học xanh - sạch - an toàn, tăng cường trải nghiệm, thực hành và hình thành thói quen sống xanh cho học sinh.

2. Hoàn thiện thể chế, pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi; tăng cường kiểm tra, giám sát

Tham gia góp ý, rà soát thực thi và kiến nghị sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật.

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật theo thẩm quyền về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới và yêu cầu đặc thù tại địa phương.

Phối hợp hoàn thiện cơ chế, chính sách và quy định về phát triển công trình xanh; rà soát, hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn và cơ chế chứng nhận công trình xanh; xác định lộ trình, đối tượng và danh mục công trình, dự án ưu tiên áp dụng hoặc khuyến khích chứng nhận công trình xanh trên địa bàn tỉnh.

Chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu, kết hợp chặt chẽ giữa tiền kiểm gắn với tăng cường hậu kiểm dựa trên mức độ tuân thủ; xây dựng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; tham gia góp ý hoàn thiện tiêu chí phân loại dự án theo mức độ rủi ro môi trường. Phối hợp thực hiện cơ chế kết hợp kiểm soát từng nguồn thải với kiểm soát theo vùng, khu vực và tổng tải lượng chất ô nhiễm; phối hợp hoàn thiện cơ chế điều phối liên vùng, liên ngành, liên địa phương.

Phối hợp hoàn thiện, triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách để điều chỉnh hành vi và khuyến khích phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp, thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng xanh, bền vững, mua sắm xanh.

Phát triển mạnh mẽ kinh tế môi trường; thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ, công nghệ và kết quả đổi mới sáng tạo về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Quy định rõ trách nhiệm của từng cơ quan ở cấp tỉnh và cấp xã trong kiểm soát nguồn thải, bảo đảm chất lượng môi trường và giải quyết các vấn đề môi trường; thống nhất nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đề cao trách nhiệm cấp ủy, chính quyền, nhất là người đứng đầu trong thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; siết chặt kỷ cương, nâng cao đạo đức công vụ của cán bộ, công chức trong thi hành pháp luật.

Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiến hành kiểm toán môi trường theo quy định pháp luật. Tăng cường hướng dẫn, đối thoại và đồng hành cùng doanh nghiệp nhằm nhận diện rủi ro, phòng ngừa, giảm thiểu sai sót, vi phạm và nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm cho sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Tham gia góp ý hoàn thiện cơ chế, chính sách phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Phát huy hiệu quả vai trò dẫn dắt của ngân sách nhà nước, huy động, phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội, nguồn vốn quốc tế, các quỹ khí hậu toàn cầu, nguồn tài chính xanh, đầu tư xanh, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, nguồn vốn vay ưu đãi và các nguồn lực hợp pháp khác phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xanh, phát thải các-bon thấp và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chủ động tham gia các cơ chế hợp tác quốc tế về tài chính khí hậu, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường các-bon và thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu.

Tham gia góp ý xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách thuận lợi, ưu đãi về tài chính, tín dụng, đất đai, khoa học, công nghệ cho các hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các chương trình, dự án xử lý các vấn đề, điểm nóng bức xúc về ô nhiễm môi trường.

Tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật đa mục tiêu, trong đó có tích hợp các yêu cầu về bảo vệ môi trường, thúc đẩy chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, phát triển kinh tế tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.

Tăng cường đầu tư, kết hợp huy động xã hội hoá để nâng cấp, hiện đại hoá mạng lưới quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo chất lượng môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan.

4. Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường; chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường sống

Tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án “Bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh An Giang” góp phần thắng lợi Chương trình hành động số 16-CTr/TU, ngày 05/3/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Tập trung giải quyết ô nhiễm nước tại các lưu vực sông, kênh, mương, hồ, đoạn sông; ô nhiễm tại các làng nghề, cụm công nghiệp, khu vực khai thác, chế biến khoáng sản; các khu vực tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật.

Thúc đẩy phân loại chất thải phục vụ tái sử dụng, tái chế, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng, giảm mạnh tỉ lệ chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt.

Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng, công nghệ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải, hình thành các khu liên hợp tái chế, xử lý chất thải, nhất là chất thải nhựa, chất thải từ quá trình chuyển đổi xanh.

Kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu công nghệ, thiết bị lạc hậu, gây ô nhiễm, tiêu hao nhiều tài nguyên, hiệu quả thấp.

Nghiên cứu, từng bước áp dụng công cụ quản lý tổng tải lượng chất ô nhiễm phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tại những khu vực có rủi ro cao, áp lực môi trường lớn.

Quản lý chặt chẽ, giám sát liên tục theo thời gian thực các nguồn phát sinh nước thải, khí thải lớn, không để phát sinh khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

5. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển kinh tế dựa trên dịch vụ hệ sinh thái; quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên

Quản lý chặt chẽ các khu bảo tồn hiện có, ngăn chặn xu hướng suy giảm đa dạng sinh học, bảo đảm hài hoà giữa bảo tồn và phát triển, duy trì các chức năng sinh thái và khả năng chịu tải của môi trường.

Mở rộng, nâng cao hiệu quả quản lý di sản thiên nhiên; thực hiện các giải pháp dựa vào tự nhiên, bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái quan trọng, nhạy cảm; phát triển các bể hấp thụ các-bon xanh; tiếp tục chú trọng bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm và nguồn gen.

Phát triển các mô hình kinh tế dựa trên các dịch vụ hệ sinh thái và vốn tự nhiên; chú trọng phát triển sinh kế bền vững, du lịch sinh thái, kinh tế dưới tán rừng và các mô hình kinh tế xanh phù hợp với đặc điểm của từng địa phương.

Nghiên cứu và triển khai lượng giá tài nguyên và các dịch vụ hệ sinh thái, hạch toán vốn tự nhiên trong hệ thống thống kê.

Thực hiện lồng ghép giá trị thiên nhiên, sinh thái, đa dạng sinh học, phát triển hạ tầng xanh trong quy lập và thực hiện quy hoạch tại đô thị, khu dân cư.

Phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm.

Thực hiện các giải pháp hiện đại hoá quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên gắn với chuyển đổi số; tăng cường công tác điều tra cơ bản, quy hoạch các nguồn tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, nước, khoáng sản và tài nguyên biển, bảo đảm an ninh tài nguyên gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường.

6. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai, nâng cao mức độ an toàn của người dân và nền kinh tế

Xây dựng kế hoạch, phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, phù hợp với thực tiễn từng vùng, từng địa phương, ưu tiên những nơi có nguy

cơ rủi ro cao; đầu tư xây dựng lực lượng, phương tiện đủ khả năng ứng phó, khắc phục kịp thời thiệt hại khi có thiên tai xảy ra.

Tham gia góp ý hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật công trình có xét đến yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu.

Chú trọng, ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng có khả năng chống chịu cao với bão, lũ, ngập úng, hạn hán và các tác động do biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Phát triển các đô thị chống chịu với biến đổi khí hậu, tập trung giải quyết ngập úng do mưa lớn cực đoan, triều cường ở các đô thị lớn.

Xây dựng các mô hình điểm về nông nghiệp thông minh giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo sớm thiên tai, rủi ro khí hậu trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan.

Triển khai các giải pháp thích ứng đặc thù theo vùng, dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái; chủ động di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ rủi ro cao.

Quy hoạch lại các khu dân cư, thực hiện di dân khỏi các vùng rủi ro cao, kết hợp với bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân.

Hoàn thiện các cơ chế, giải pháp công trình và phi công trình, kết hợp với các công cụ tài chính nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu cho người dân, doanh nghiệp.

7. Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, tăng cường quản lý phát thải khí nhà kính

Thúc đẩy chuyển đổi các ngành kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp và hình thành các ngành kinh tế mới nhằm giảm áp lực đối với môi trường, phấn đấu thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Thực hiện các giải pháp thúc đẩy tuần hoàn vật liệu, sản phẩm trong toàn chuỗi giá trị; có cơ chế ưu đãi vượt trội cho các dự án phát triển công nghiệp tái chế, xử lý chất thải.

Thúc đẩy ứng dụng công nghệ xanh và sử dụng vật liệu thân thiện môi trường trong hoạt động đầu tư xây dựng nhằm góp phần giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả tài nguyên và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo, khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Thực hiện chuyển đổi hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm theo hướng giảm phát thải, tuần hoàn và bền vững trong toàn chuỗi giá trị.

Thúc đẩy phát triển các mô hình công nghiệp xanh, đô thị xanh, công trình xanh, giao thông xanh, hình thành các khu vực đô thị phát thải thấp.

Thực hiện các chương trình đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, hỗ trợ sinh kế để giảm thiểu tác động đối với người lao động trong quá trình chuyển đổi xanh.

Kiểm soát chặt chẽ phát thải khí nhà kính ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án, trong toàn bộ vòng đời sản phẩm và hoạt động tiêu dùng của xã hội; hoàn thiện hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính theo tiêu chuẩn quốc tế.

Phối hợp quản lý chặt chẽ hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon.

8. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

Nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, tập trung vào quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo môi trường, khí hậu và an toàn bức xạ; công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, sản xuất và tiêu dùng xanh, bền vững; công nghệ giảm phát thải, tái chế, xử lý chất thải; giống, kỹ thuật nuôi, trồng hiện đại, năng suất cao, phát thải thấp.

Nghiên cứu, phát triển công nghệ thu hồi, lưu giữ và tái sử dụng các-bon, ứng dụng công nghệ các-bon thấp trong các ngành, lĩnh vực.

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng, quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu thống nhất, đồng bộ, tích hợp, liên thông; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám... phục vụ hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát, quan trắc, dự báo, cảnh báo và công khai, minh bạch thông tin về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu.

Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về môi trường, biến đổi khí hậu, nhất là ở cấp xã; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực phục vụ chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế các-bon thấp. Tăng cường phối hợp, liên kết giữa cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, viện nghiên cứu và doanh nghiệp mở rộng hợp tác quốc tế, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng hiện đại, liên ngành, gắn với thực tiễn; xây dựng, phát triển, trọng dụng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, cán bộ trẻ tài năng; đồng thời có chính sách đãi ngộ thoả đáng đối với đội ngũ làm công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

9. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế

Chủ động, tích cực tham gia hợp tác, hội nhập quốc tế, tham gia định hình các sáng kiến, các thoả thuận và cơ chế hợp tác khu vực, toàn cầu về môi trường, khí

hậu; nâng cao vai trò, vị thế và uy tín quốc gia, bảo đảm hài hoà giữa lợi ích quốc gia - dân tộc với trách nhiệm quốc tế.

Phối hợp triển khai các hoạt động ngoại giao môi trường, khí hậu; huy động, tiếp cận, phát huy hiệu quả các nguồn lực tài chính, chuyển giao công nghệ xanh, tiên tiến, nâng cao năng lực và hỗ trợ thực thi từ các đối tác phát triển.

Triển khai các giải pháp nâng cao năng lực dự báo, đánh giá tác động và chủ động ứng phó với các tiêu chuẩn, quy định, hàng rào kỹ thuật thương mại quốc tế về môi trường, khí hậu.

Thực hiện các giải pháp tăng cường hợp tác trong quản lý và phối hợp giải quyết các vấn đề môi trường xuyên biên giới, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và các vấn đề liên quan đến an ninh môi trường, an ninh khí hậu, an ninh năng lượng.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả Chương trình hành động này; định kỳ hằng năm nghe báo cáo, cho ý kiến chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chỉ đạo rà soát, bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và chỉ đạo của Trung ương.

Phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phụ trách địa bàn trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động này tại đảng ủy được phân công phụ trách.

2. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình hành động số 31-CTr/TW và Chương trình hành động này đến chi bộ, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân; xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể của địa phương, đơn vị, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình phù hợp với đặc điểm địa bàn, lĩnh vực.

Định kỳ 6 tháng, hằng năm và đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động này với Ban Thường vụ Tỉnh ủy *(qua Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh)*.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo cụ thể hóa Chương trình hành động này thành các đề án, chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh và chỉ đạo các sở, ngành thực hiện; thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện của các cấp, các ngành; bố trí, lồng ghép nguồn lực từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện.

Chỉ đạo rà soát, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách của tỉnh bảo đảm đồng bộ, thống nhất, khả thi cho

triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh ủy. Định kỳ hằng năm tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy lãnh đạo, định hướng các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền nội dung Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình hành động số 31-CTr/TW và Chương trình hành động này; định hướng dư luận xã hội, đấu tranh phản bác thông tin sai trái, xuyên tạc.

5. Đảng ủy Cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội, tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia giám sát việc thực hiện Chương trình hành động này.

6. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, ban hành theo thẩm quyền các nghị quyết, cơ chế, chính sách đặc thù của Hội đồng nhân dân tỉnh bảo đảm đồng bộ, thống nhất cho việc triển khai thực hiện Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình hành động số 31-CTr/TW và Chương trình hành động này trên địa bàn tỉnh; tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

7. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động; định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định. *Nguyễn Văn*

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị (để b/c);
- Văn phòng TW Đảng (để b/c);
- Các đ/c ban đảng TW phụ trách địa bàn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- Các cơ quan TMGV Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy Cơ quan MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Lãnh đạo VPTU;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Lê Quang Tùng

PHỤ LỤC
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Chương trình hành động số 37-CTr/TU, ngày 21/8/2026 của Tỉnh ủy)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
1	Tỷ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trong tổng chi ngân sách địa phương hằng năm	Tối thiểu 2%	Đảng ủy Sở Tài chính
2	Tỷ lệ nguồn nước thải, khí thải lớn thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đã lắp đặt, vận hành và truyền dữ liệu theo quy định	100%	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Tỉ lệ cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	100%	Đảng ủy Sở Công Thương
4	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị tại đô thị đặc biệt và đô thị loại I được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường	70%	Đảng ủy Sở Xây dựng
5	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	95%	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn được thu gom, xử lý	85%	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng được thu gom	Dưới 30%	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Tỷ lệ che phủ rừng	8,9%	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Tỷ lệ diện tích khu bảo tồn biển, ven biển so với diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia	6%	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Tỷ lệ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn	70%	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường; Đảng ủy Sở Xây dựng
11	Tỷ lệ các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời theo quy định đến nơi an toàn	80%	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường
12	Tỷ trọng kinh tế xanh trong GDP	10%	Đảng ủy Thống kê tỉnh
13	Tỷ lệ khu công nghiệp sinh thái trong tổng số khu công nghiệp đang hoạt động, đủ điều kiện đánh giá	10%	Đảng ủy Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
14	Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp	Tối thiểu 26,1%	Đảng ủy Sở Công Thương
15	Mức giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân hằng năm	1 - 1,5%	Đảng ủy Sở Công Thương
16	Số công trình xây dựng xanh được chứng nhận trên địa bàn tỉnh	Từ 35-50 công trình	Đảng ủy Sở Xây dựng
17	Góp phần giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia so với kịch bản phát triển thông thường	9%	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường